THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	SSI	208.470.460	208.414.787
2	TCB	275.681.348	467.966.206
3	VNM	38.860.823	36.951.404

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 11/11/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.842.048.796	484.204.879	382.919.009
2	FPT	1.885.727.648	1.512.353.573	151.235.357	101.021.769
3	HDB	6.506.859.219	4.978.397.988	497.839.798	451.713.214
4	HPG	8.442.964.520	4.764.364.878	476.436.487	294.710.459
5	LPB	2.987.282.100	2.490.497.086	249.049.708	238.458.042
6	MBB	10.068.749.885	4.558.123.072	455.812.307	355.219.377
7	MSN	1.460.374.611	824.965.617	82.496.561	45.867.673
8	MWG	1.475.694.086	1.090.390.360	109.039.036	69.195.780
9	SHB	5.343.703.838	3.845.329.281	384.532.928	317.599.595
10	SSB	3.468.800.000	1.792.328.960	179.232.896	171.125.696
11	SSI	3.000.500.833	2.084.147.878	208.414.787	208.414.787

12	STB	1.885.215.716	1.730.062.462	173.006.246	127.159.822
13	TCB	10.629.355.539	5.768.551.251	576.855.125	467.966.206
14	VHM	8.214.824.008	2.331.367.053	233.136.705	212.646.980
15	VIB	3.735.386.252	2.064.547.981	206.454.798	136.675.940
16	VIC	7.762.186.429	2.516.500.840	251.650.084	243.340.085
17	VJC	769.092.961	369.318.439	36.931.843	35.791.824
18	VNM	2.089.955.445	811.738.694	81.173.869	36.951.404
19	VPB	10.000.000.000	5.280.000.000	528.000.000	389.298.680
20	VRE	2.272.318.410	900.974.249	90.097.424	50.955.189